

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2017
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Thanh Tú

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1081/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh A, sinh năm 1982; cư trú: Đường X, Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị B, sinh năm 1990; địa chỉ: Đường Y, Cộng hòa liên bang Đức; tạm trú tại: Số 8/57 đường M, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn gửi ngày 19 tháng 6 năm 2017, nguyên đơn anh A trình bày: Anh và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 01 tháng 3 năm 2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B. Anh chị có một con chung là cháu X, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2015, hiện nay cháu đang ở với mẹ, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị B nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh A đang ở nước ngoài nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh có ủy quyền cho chị H, địa chỉ: Số 150 đường K, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng thay anh làm các thủ tục, nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Chị B là bị đơn trình bày: Chị thống nhất với anh A về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn do bất đồng quan điểm, lối sống, đã có nhiều biện pháp khắc phục nhưng không thể hòa hợp được. Từ năm 2015, vợ chồng chị đã sống ly thân, nay cả hai cùng xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung, vợ chồng chị đã thỏa thuận chị B sẽ nuôi con chung là cháu X, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2015. Việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, vợ chồng chị tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B về Việt Nam từ ngày 13 tháng 6 năm 2017 đến ngày 13 tháng 8 năm 2017, gửi đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh chị được ly hôn, do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt chị.

Theo khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh A và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 01 tháng 3 năm 2011, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh A và chị B đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh A hiện đang ở nước ngoài, chị B về Việt Nam từ ngày 13 tháng 6 năm 2017 đến ngày 13 tháng 8 năm 2017, cả anh A và chị B đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A và chị B.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, anh A và chị B sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến

nay, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng sống mỗi người một nơi.

Xét, giữa anh A và chị B tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A.

- Về con chung: Anh A, chị B có một con chung là cháu X, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2015. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Anh cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy cháu Anh còn nhỏ, việc các đương sự tự thỏa thuận giao cháu Anh cho mẹ nuôi dưỡng là chính đáng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo đối với bản án: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh A và chị B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh A được ly hôn chị B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu X, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2015 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003790 ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Anh A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Dũng